TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 92/2025/HC-PT
Ngày: 28/8/2025
V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phan Nhựt Bình

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 892/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 124/2024/HC-ST ngày 18 tháng 07 năm 2024 của Toà án nhân dân tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 567/2025/QĐPT-HC ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1949.

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh), (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Thành T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh) , (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Thanh T1 - Công ty L, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H, (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh), (vắng mặt).

2.2. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc H - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Trần Bảo T2 – Phó trưởng Phòng Kinh tế, Ủy ban nhân dân xã M, (xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 24/01/2024, người khởi kiện bà Nguyễn Thị C trình bày:

Ngày 15/10/2022 bà Nguyễn Thị C nhận được Quyết định số 11418/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thị C và Quyết định số 11323/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị C để thực hiện dự án GPMB ĐT.830E . Mức bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cụ thể như sau:

Diện tích đất ở nông thôn bị thu hồi 255m². Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Long An. Đơn giá đất ở nông thôn để tính bồi thường, hỗ trợ 2.257.840đ/m2. Giá trị bồi thường đất ở 255m2 là 575.749.200đ.

Bà Nguyễn Thị C không đồng ý với Quyết định số 11418/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thị C và Quyết định số 11323/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị C.

Vì vậy, đến ngày 12/01/2023 bà Nguyễn Thị C có đơn khiếu nại lần 1 Chủ tịch UBND huyện B.

Ngày 27/01/2023 Thanh tra huyện B có giấy mời ngày 31/01/2023 làm việc liên quan đến nội dung khiếu nại.

Ngày 31/01/2023 Thanh tra huyện lập biên bản làm việc liên quan đến nội dung khiếu nại.

Ngày 09/02/2023 Chủ tịch UBND huyện B ban hành thông báo về việc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại lần 1.

Ngày 22/02/2023 Chánh Thanh tra huyện phối hợp với các ban ngành kiểm tra thực tế tuyến đường trải đá xanh theo như đơn khiếu nại: khảo sát, đo đạc, sau đó lập biên bản xác minh.

Ngày 21/02/2023 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B đã tiến hành xác định ranh giới, mốc giới thửa đất tại thực địa (có lập bản vẽ mô tả và ký tên của 8 hộ dân).

Ngày 16/03/2023 Thanh tra huyện có giấy mời làm việc ngày 21/3/2023 liên quan đến nội dung khiếu nại.

Ngày 21/03/2023 Tổ xác minh của UBND huyện làm việc liên quan đến thời gian gửi đơn khiếu nại, nhưng bà Nguyễn Thị C không đồng ý ký với nội dung làm việc này vì vụ việc khiếu nại đã được thụ lý ngày 09/02/2023 (đính kèm thông báo thụ lý) nên UBND huyện B phải giải quyết và ra quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là không quá 30 ngày đến 45 ngày kể từ ngày thụ lý theo Điều 28 Luật Khiếu nại.

Ngày 07 tháng 04 năm 2023 bà C gửi đơn khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh L.

Ngày 12/04/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Thông báo số 552/TB-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại lần 1 số 157/TB-UBND ngày 09/02/2023.

Cùng ngày 12/04/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Thông báo số 553/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại lần 1.

Ngày 26/04/2023 Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Công văn số 3505/UBND-NCTCD về việc giải thích, hướng dẫn và trả đơn khiếu nại (lần hai).

Bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính:

1. Quyết định số 11418/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thị C.

2. Quyết định số 11323/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị C.

3. Hủy Thông báo số 552/TB-UBND ngày 12/04/2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc thu hồi, hủy bỏ Thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại.

4. Hủy Thông báo số 553/TB-UBND ngày 12/04/2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.

Buộc UBND huyện B thẩm định lại con đường đá xanh đã tồn tại từ lâu, xác định vị trí đất, hệ số điều chỉnh cũng như đơn giá bồi thường cho thỏa đáng phù hợp với giá thị trường hoặc xem xét hoán đổi đất cùng mục đích sử dụng bằng diện tích đất bị thu hồi theo quy định.

UBND huyện B chưa có phương án tái định cư đảm bảo có đất ở, nhà ở tái định cư trước khi UBND huyện thu hồi đất.

Người bị kiện UBND huyện B có ý kiến tại Công văn số 2267/UBND-TNMT ngày 19/3/2024 như sau:

Căn cứ Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân về chủ trương đầu tư dự án giải phóng mặt bằng (GPMB) đường tỉnh 830E (Đoạn từ nút cao tốc đến ĐT. 830); Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 26/02/2021; Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 và Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 09/02/2021 về việc điều chỉnh chủ trương dự án GPMB đường tỉnh 830E (ĐT.830E) đoạn từ nút cao tốc đến ĐT. 830.

Căn cứ Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện B; Quyết định số 13712/QĐ-UBND ngày 32/12/2021 của UBND tỉnh L về việc phê quyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của UBND huyện B.

Căn cứ Quyết định số 5856/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của UBND tỉnh L về phê duyệt dự án GPMB ĐT. 830E đoạn từ nút cao tốc đến ĐT. 830, UBND huyện B ban hành Quyết định số 11323/QĐ-UBND ngày 05/10/2022; Quyết định số 114178/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 về việc thu hồi đất, phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thị C để thực hiện dự án GPMB ĐT. 830E đoạn từ nút cao tốc đến ĐT. 830 được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/01/2023, UBND huyện có nhận được đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị C (ghi ngày 12/01/2023).

Ngày 09/02/2023, UBND huyện ban hành Thông báo số 157/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị C. Theo quy định Điều 9 và khoản 6 Điều 11 của Luật Khiếu nại và các khiếu nại không được thụ lý giải quyết, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Thông báo số 552/TB-UBND ngày 12/4/2023 về việc thu hồi, hủy bỏ Thông báo số 157/TB-UBND ngày 09/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện và ban hành Thông báo số 553/TB-UBND ngày 12/4/2023 về việc không được thụ lý giải quyết khiếu nại là đúng quy định của pháp luật.

Ngày 08/8/2023, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Văn bản số 1262/ UBND-BQLDA về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân. Việc bà Nguyễn Thị

C kiến nghị được mua thêm một lô tái định cư là không cơ sở xem xét, giải quyết do không đúng với phương án tái định cư của UBND tỉnh L phê duyệt tại Quyết định số 7098/QĐ-UBND ngày 04/8/2022; Việc bà Nguyễn Thị C kiến nghị xác định lại vị trí, hệ số điều chỉnh do tiếp tiếp giáp với đường giao thông công cộng lớn hơn hoặc bằng 3m đá xanh và kiến nghị tính lại giá bồi thường là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Vì việc áp giá bồi thường cho bà C là đúng và đủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm thu hồi đất.

Ngày 15/10/2022 UBND xã L đã tổ chức trao hồ sơ bồi thường, hỗ trợ trong đó có quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường cho các hộ dân bị ảnh hưởng dự án. UBND huyện kiến nghị Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện đối với các quyết định trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 124/2024/HC-ST ngày 18 tháng 07 năm 2024, Toà án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Căn cứ Điều 3, Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 9, khoản 6 Điều 11; điểm b khoản 2 Điều 14 và khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011;

Áp dụng khoản 2 Điều 74 và Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 157; khoản 2, khoản 3 Điều 116, Điều 348, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An về việc yêu cầu hủy Quyết định số 11323/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND huyện B về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị C và Quyết định số 11418/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị C;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An:

2.1. Hủy Thông báo số 552/TB-UBND ngày 12/04/2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc thu hồi, hủy bỏ Thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại.

2.2. Hủy Thông báo số 553/TB-UBND ngày 12/04/2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30 tháng 07 năm 2024, bà Nguyễn Thị C kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định số 11323/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 về việc thu hồi đất và Quyết định số 11418/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 về phê duyệt giá bồi thường, hỗ trợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, ông Nguyễn Thanh T1 trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C. Người bị kiện áp giá bồi thường quá thấp trong khi diện tích đất của bà C bị thu hồi có vị trí tiếp giáp mặt đường giao thông đá xanh lớn hơn hoặc bằng 3m. Sau khi nhận các quyết định thu hồi, bồi thường bà C không đồng ý và đã khiếu nại theo quy định. Việc ủy ban thụ lý đơn khiếu nại sau đó ra thông báo không thụ lý đơn khiếu nại là không đảm bảo quyền của công dân. Việc thu hồi và bồi thường, hỗ trợ và tái định cư không đảm bảo trình tự thủ tục theo quy định. Bảng thống kê diện tích loại đất chỉ là bảng thống kê không phải là hồ sơ đo đạc thực tế các loại đất; con đường đá xanh thực tế qua thẩm tra của các cơ quan và thẩm định của Tòa án đã rõ. Việc đền bù và hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp của của bà Nguyễn Thị C là không phù hợp, giá bồi thường hơn 2.000.000đ/m^2 không thể tạo lập nơi ở mới tốt hơn cho người bị thu hồi đất.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ theo những quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy việc đo đạc xác định vị trí để bồi thường, hỗ trợ như người bảo vệ của người khởi kiện trình bày là chưa đủ căn cứ, việc yêu cầu của người khởi kiện là không đúng quy định do đường này là đường tự phát, chưa được cập nhật theo bản đồ. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà C1 căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện xin vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự này.

[2] Người khởi kiện cho rằng việc áp giá bồi thường, hỗ trợ không đúng thực tế đất bị thu hồi, không đảm bảo tái định cư, không đúng vị trí thu hồi. Vì theo Biên bản thẩm định của Tòa án nhân dân tỉnh Long An cũng như Biên bản của Thanh tra huyện BLức thực tế đất thu hồi của bà Nguyễn Thị C1 tiếp giáp đường đá xanh 3m.

[3] Theo Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định 8645/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của UBND huyện B phê duyệt phương án tổng giá trị bồi thường để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng ĐT 830 qua huyện B 05/10/2022, Ủy ban nhân dân B ban hành Quyết định số 11323/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 11418/QĐ-UBND về việc phê quyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị C2 tiền 575.749.200 đồng. Theo đó, bà Nguyễn Thị C3 tích đất ở nông thôn bị thu hồi 255m²; Đơn giá đất ở nông thôn để tính bồi thường, hỗ trợ 2.257.840 đồng/m^2. Giá trị bồi thường đất ở là 575.749.200 đồng.

[4] Theo Biên bản thẩm định của Tòa án nhân dân tỉnh Long An ngày 16/4/2024 vị trí đất của bà Nguyễn Thị C4 tiếp giáp đường đá xanh bằng hoặc lớn hơn 3m. Phù hợp Bản mô tả ngày 21/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B và Biên bản xác minh ngày 22/02/2023 của Thanh tra huyện B chiều dài con đường bắt đầu từ thửa đất 93 nhìn vào; Cạnh thứ nhất bên tay phải 82,6m; cạnh thứ hai bên tay trái 81,6m. Điểm đầu thửa đất 92 là 3,2m; Điểm giữa thửa đất số 193 là 3,2m; Điểm giữa thửa đất số 196 là 3,3m; Điểm giữa thửa đất số 198 là 3,1m; Điểm đầu thửa đất 121 là 3,4m; Điểm giữa thửa đất số 306 là 3,6m; Điểm cuối là 3,6m; Điểm đầu thửa đất 122 là 2,8m; Điểm cuối là 3,6m. Hiện trạng thực tế là đường đá xanh.

[5] Theo Báo cáo số 169/BC-UBND ngày 10/3/2023 của UBND xã L đi đá xanh là lối đi do dân tự hiến đất làm đường đi, lối đi phục vụ cho 60 hộ dân ấp Lvẫn còn thuộc quyền sử dụng đất của người dân nên không phải lối đi công cộng do Nhà nước quản lý. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị C5 cấp vào ngày 03/6/2010 là thửa đất thửa 195, TBĐ số 14 (thửa cũ là 3816, TBĐ số 2) không thể

hiện có tiếp giáp với đường đá xanh. Mặt khác, tại Biên bản mô tả ngày 21/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B về lối đi đá xanh, những người có đất bị thu hồi trong gia đình bà Nguyễn Thị C6 ký xác nhận lối đi đá xanh nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình.

[6] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trên thì lối đi rải đá xanh làm đường giao thông nông thôn là thực tế nhưng quyền sử dụng đất lối đi chưa được Ủy ban nhân dân huyện B chỉnh lý là lối đi công cộng do Nhà nước quản lý. Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường cho bà Nguyễn Thị Chắnggiá T3 đất không tiếp giáp đường đá xanh là có căn cứ phù hợp quy định của khoản 2 Điều 74 và Điều 114 Luật Đất đai năm 2013.

[7] Đối với việc người khởi kiện còn cho rằng trình tự, thủ tục thu hồi đất không đúng như không đo đạc diện tích đất bị thu hồi nhưng quá trình thu hồi đất người khởi kiện không khiếu nại về diện tích đất, trong khi diện tích áp giá căn cứ vào kết quả đo đạc nâng cấp tỉ lệ bản đồ địa chính do Nhà nước quản lý. Người bị kiện đã trình bày trường hợp có khiếu nại về diện tích Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng sẽ xem xét. Về vấn đề tiền bồi thường, hỗ trợ không đủ mua một suất tái định cư, người có đất bị thu hồi có văn bản kiến nghị để được xem xét theo khoản 4 Điều 86 Luật Đất đai năm 2013.

[8] Đối với yêu cầu hủy các Thông báo của Chủ tịch UBND huyện B

Ngày 05/10/2022, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định về việc thu hồi đất và Quyết định về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị C. Ngày 15/10/2022, bà C nhận được các Quyết định nêu trên. Đến ngày 13/01/2023, ông Võ Thành T đại diện cho bà C khiếu nại được cơ quan nhận khiếu nại tiếp công dân và ghi vào sổ là đúng thời hạn 90 ngày tính từ ngày nhận được quyết định hành chính.

Ngày 09/02/2023, Chủ tịch UBND huyệnLức ban hành thôngvề việc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại lần đầu là đúng quy định của pháp luật. Sau đó, ngày 12/04/2023, Chủ tịch UBND huyện B ra Thông báo số 552/TB-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại và ban hành Thông báo số 553/TB-UBND ngày 12/04/2023 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại là vi phạm điểm b khoản 2 Điều 14 Luật Khiếu nại về quyền, nghĩa vụ của người giải quyết khiếu nại lần đầu; vi phạm khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại về thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C; hủy các Thông báo của Chủ tịch UBND huyện B liên quan đến việc không giải quyết khiếu nại.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Bản án của Tòa án

cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh nên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[10] Các quyết định khác của bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Án phí hành chính phúc thẩm: bà Nguyễn Thị C7 năm 1949 là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án nên được miễn theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị C8 nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 124/2024/HC-ST ngày 18/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh).

Áp dụng khoản 2 Điều 74 và Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh) về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 11323/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND huyện B về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị C

- Hủy Quyết định số 11418/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị C;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh):

- Hủy Thông báo số 552/TB-UBND ngày 12/04/2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc thu hồi, hủy bỏ Thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại.

- Hủy Thông báo số 553/TB-UBND ngày 12/04/2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.

3. Các quyết định khác của bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: bà Nguyễn Thị C5 miễn.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VCTVKSXXPT tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Tây Ninh; (1)
- VKSND tỉnh Tây Ninh; (1)
- THADS tỉnh Tây Ninh; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (2)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- LMA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Minh